

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 5- 2023
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Quốc Thân

2/ Ông Nguyễn Thế Nam

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 514/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị Hồng T**, sinh năm 1983. Địa chỉ: **Số I, đường số C, khu phố S, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**. Có đơn đề nghị vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Trần Doãn Minh Q**, sinh năm 1977. Nơi đăng ký thường trú: **Khu phố B, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**. Nơi cư trú: **ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình nội dung, được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn và bị đơn qua tự tìm hiểu nhau và tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn **Ủy ban nhân dân phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai** vào năm 2005. Cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn không có hạnh phúc. Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau 18 năm thì bị đơn đi chấp hành án khoảng 10 năm, một mình nguyên đơn vất vả nuôi 05 người con. Trong thời gian sống chung vợ chồng thường xảy ra xô xát nhau, bị đơn đánh đập nguyên đơn nhiều lần, lần gần nhất là vào ngày 21/7/2023. Nay nguyên đơn xác định vợ chồng không còn tình cảm

gì với nhau, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể nào hàn gắn. Mục đích của hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 05 người con chung, tên **Trần Hoàng Gia H**, sinh ngày 28/8/2005; **Trần Hoàng Minh T1**, sinh ngày 26/10/2009; **Trần Gia P**, sinh ngày 26/3/2012; **Trần Gia T2**, sinh ngày 26/3/2012; **Trần Hải Đ**, sinh ngày 09/6/2020. Bà **Võ Thị Hồng T** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu **T1, P, T2** và **Đ**, không yêu cầu ông **Q** cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu **Trần Hoàng Gia H**, sinh ngày 28/8/2005 bà **T** khai **Trần Hoàng Gia H** đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và tài sản chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn không có tài sản chung và không có nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông **Trần Doãn Minh Q** đã được Tòa án thông báo, tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, bản tường trình gửi cho Tòa án.

* Về tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, gồm: Trích lục khai sinh của **Trần Hải Đ** và **Võ Thị Hồng T**. Giấy khai sinh của **Trần Gia T2**, **Trần Gia P**, **Trần Hoàng Minh T1** và **Trần Hoàng Gia H**. Căn cước công dân của **Võ Thị Hồng T**, **Trần Hoàng Gia H**. Giấy chứng nhận kết hôn; đơn đề nghị vắng mặt, đơn đề nghị không hòa giải; đơn xác nhận ngày 31/7/2023.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Lời khai của đương sự; phiếu xác minh; biên bản xác minh.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho bà **T** được ly hôn với ông **Q**. Về con: giao các cháu tên **Trần Hoàng Minh T1**, sinh ngày 26/10/2009; **Trần Gia P**, sinh ngày 26/3/2012; **Trần Gia T2**, sinh ngày 26/3/2012 và **Trần Hải Đ**, sinh ngày 09/6/2020 cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông **Q** không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà **T** khai không có nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà **Võ Thị Hồng T** có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Trần Doãn Minh Q**, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện này thuộc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình với vụ việc được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền:

Ông **Trần Doãn Minh Q** là bị đơn có nơi đăng ký thường trú: **khu phố B, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai** và nơi cư trú tại: **ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**, là người bị nguyên đơn khởi kiện nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2005, tại **UBND phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai** nên được pháp luật về hôn nhân và gia đình công nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, xô xát nhau. Nguyên nhân là từ nhiều lý do khác nhau, hai bên không tìm được tiếng nói chung, không thể hòa thuận. Nguyên đơn **xác định không còn tình cảm với bị đơn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể nào hàn gắn được và không thể nào tiếp tục chung sống với nhau. Đơn xác nhận tại Công an xã B cũng cho biết ngày 21/7/2023 Công an xã B có hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng anh Q và chị T.** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án làm việc, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải hàn gắn cho nguyên đơn và bị đơn được. Điều này cho thấy bị đơn không có thiện chí hàn gắn tình cảm, bỏ mặc quan hệ hôn nhân với bị đơn, mặc cho hậu quả xảy ra.

Hội đồng xét xử xét thấy, đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Nguyên đơn khai trong thời kỳ hôn nhân, giữa nguyên đơn và bị đơn có 05 người con chung, tên **Trần Hoàng Gia H**, sinh ngày 28/8/2005; **Trần Hoàng Minh T1**, sinh ngày 26/10/2009; **Trần Gia P**, sinh ngày 26/3/2012; **Trần Gia T2**, sinh ngày 26/3/2012; **Trần Hải Đ**, sinh ngày 09/6/2020. Từ khi nguyên đơn và bị đơn không còn chung sống với nhau đến nay các cháu do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án nguyện vọng của cháu **Trần Hoàng Minh T1**, sinh ngày 26/10/2009; **Trần Gia P**, sinh ngày 26/3/2012 và **Trần Gia T2**, sinh ngày 26/3/2012 cũng muốn tiếp tục được sống cùng với mẹ. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các cháu cần tiếp tục giao cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm thời, nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

Riêng cháu **Trần Hoàng Gia H**, sinh ngày 28/8/2005, nguyên đơn khai đã trưởng thành, có khả năng lao động nên và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên

không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung:

Nguyên đơn khai trong thời kỳ hôn nhân, giữa nguyên đơn và bị đơn không tạo lập nên tài sản chung gì; không vay mượn nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Võ Thị Hồng T** là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Võ Thị Hồng T**, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà **Võ Thị Hồng T** được ly hôn với ông **Trần Doãn Minh Q**.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao các cháu **Trần Hoàng Minh T1**, sinh ngày 26/10/2009; **Trần Gia P**, sinh ngày 26/3/2012 và **Trần Gia T2**, sinh ngày 26/3/2012 cho bà **Võ Thị Hồng T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông **Trần Doãn Minh Q** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông **Trần Doãn Minh Q** được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con thì bà **T**, ông **Q** được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Võ Thị Hồng T** phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn

đồng) tạm ứng án phí chi **T3** đã nộp tại Biên Quý thu tiền số 0007187 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Long Khánh;
- THADS TP. Long Khánh;
- UBND phường Suối Tre,
TP. Long Khánh;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoa

